CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt

Ngày 30/09/2025	23,450 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-	**41.9%**	**30.2%**

DT thuần
Q3/25
507
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 487| 2445%
YoY: ▲ 504| 19160%

LN thuần
Q3/25
124
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 11.0| 9.4%
YoY: ▲ 68.7| 124%

LN sau thuế
Q3/25
85.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 20.9| 32.3%
YoY: ▲ 34.6| 67.7%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
37.8%
YoY: +/-▼ 780%

ROE (TTM)
Q3/25
5.0%
YoY: +/-▲ 0.3%

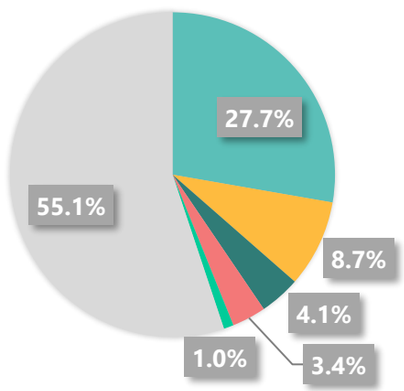
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	13,935 - 26,250
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	22,977
Số lượng CPLH (CP)	979,809,379
KLGD BQ 20 phiên (CP)	28,991,530
Sở hữu nước ngoài	9.4%
Beta	1.28
EPS	582
P/E	40.3

DT thuần
9T 2025
964
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 791| 457%

LN thuần
9T 2025
301
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 127| 73.2%

LN sau thuế
9T 2025
201
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 47.0| 31.1%

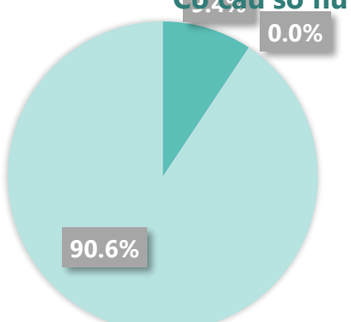
Cơ cấu cổ đông



- Nguyễn Văn Đạt (Chủ tịch HĐQT)
- Công ty TNHH Phát Đạt Holdings
- Nguyễn Thanh Phong
- Phạm Thanh Điền
- Nguyễn Trà Giang
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

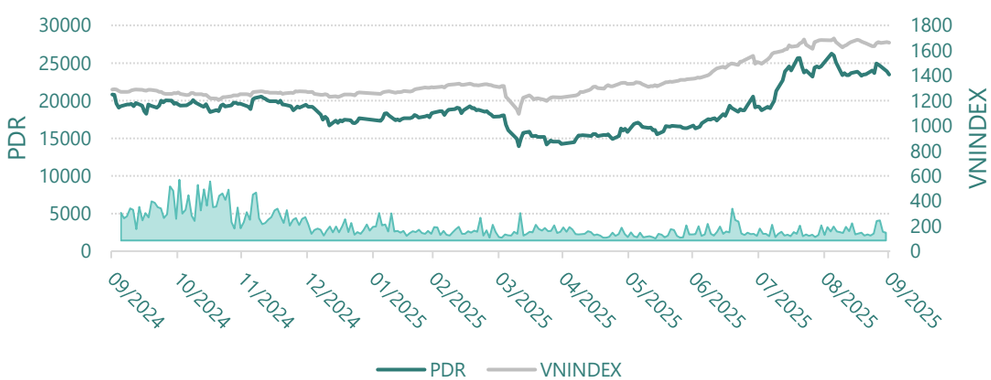
Cơ cấu sở hữu



- Sở hữu nước ngoài
- Sở hữu nhà nước
- Sở hữu khác

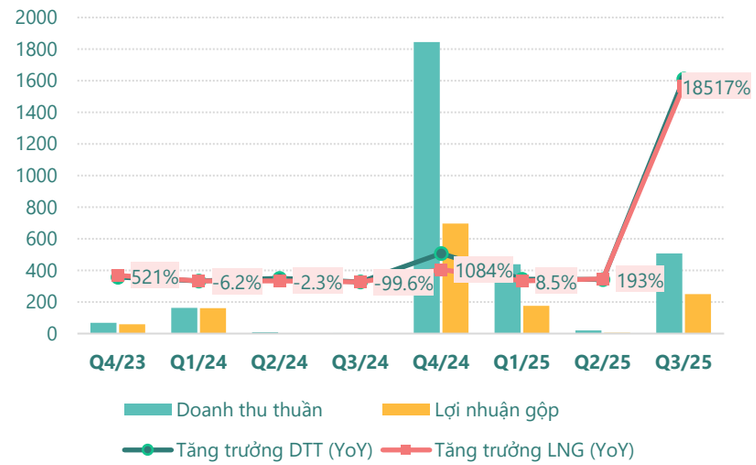
(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



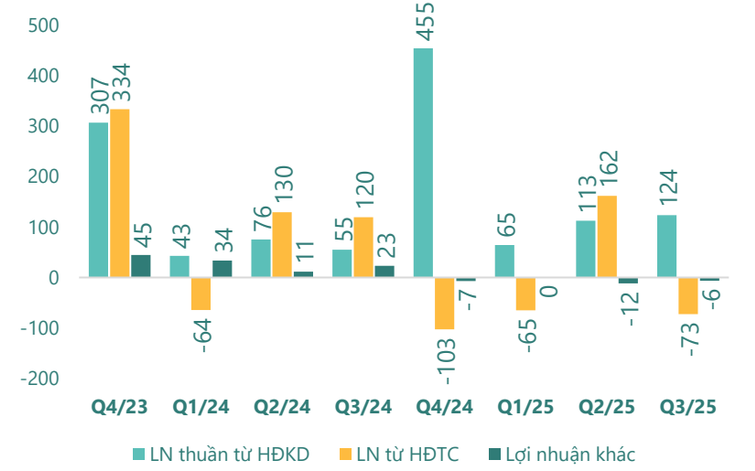
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



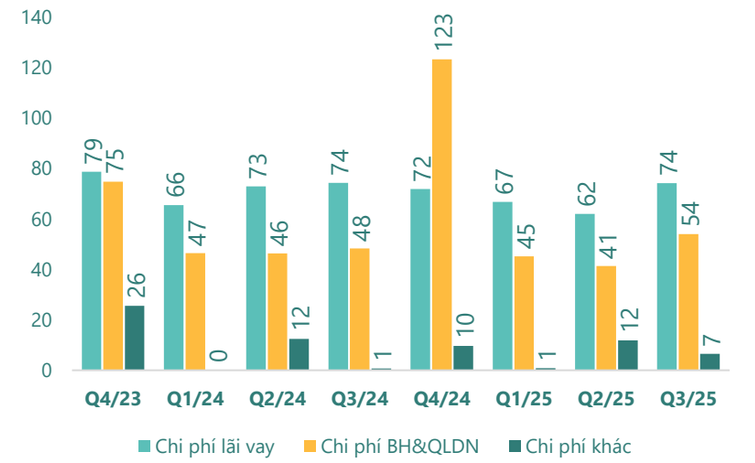
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



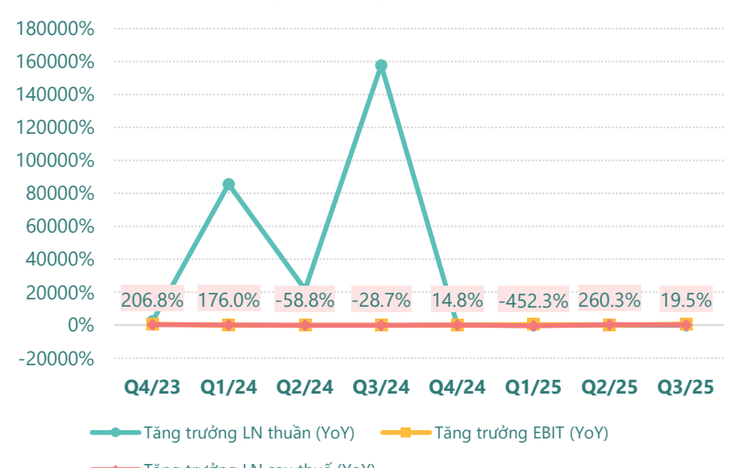
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



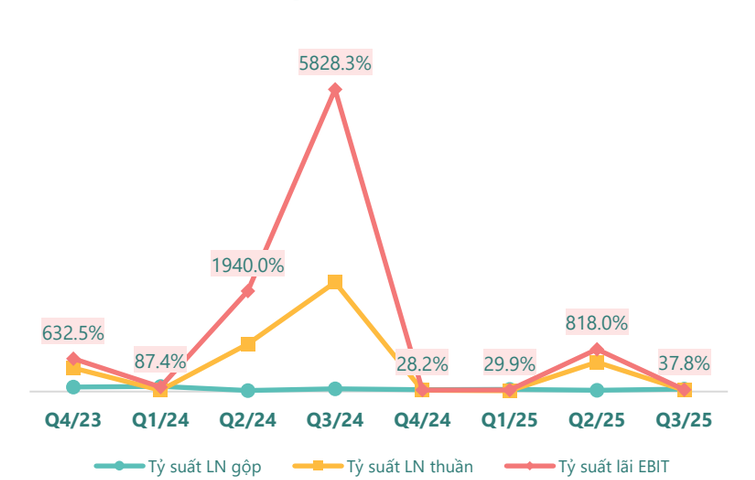
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



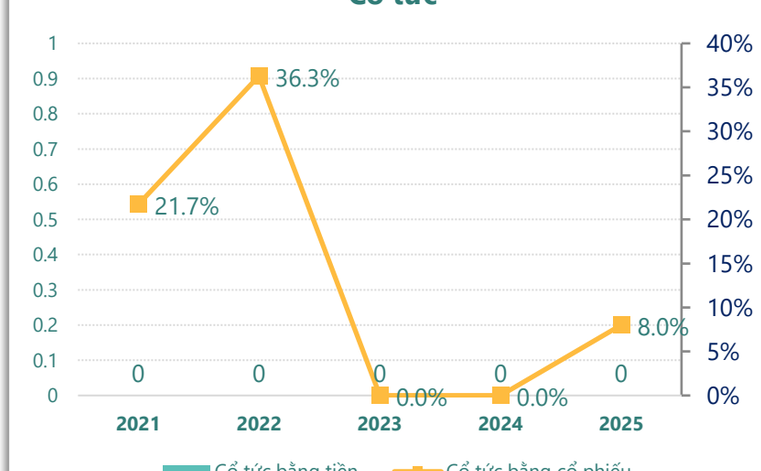
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

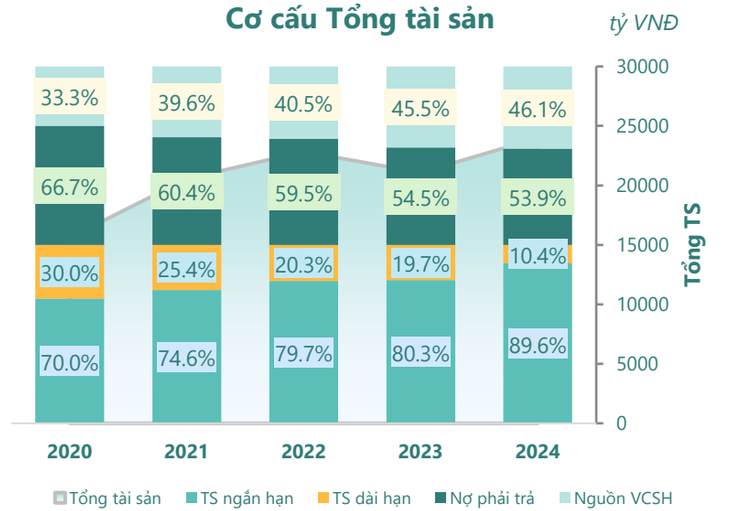
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

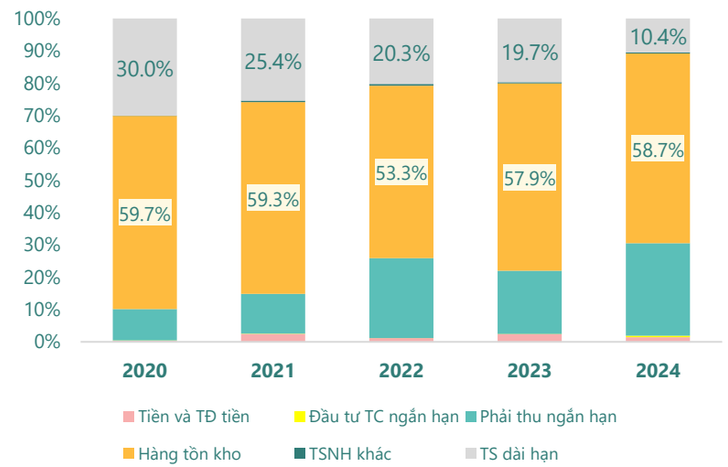
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



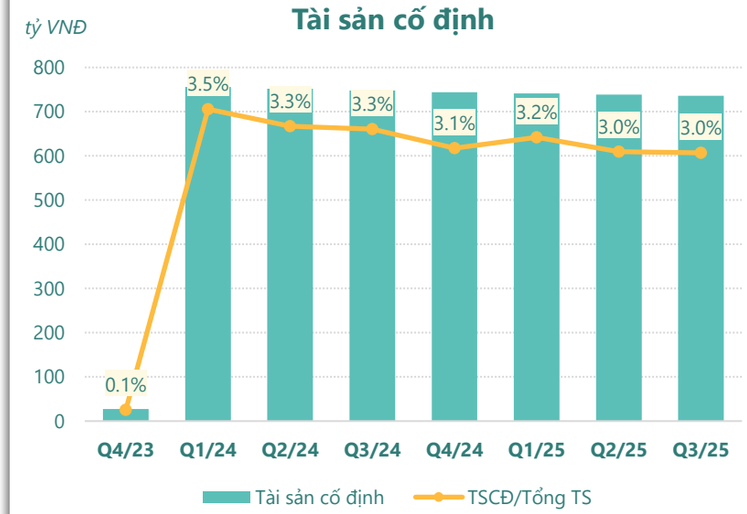
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



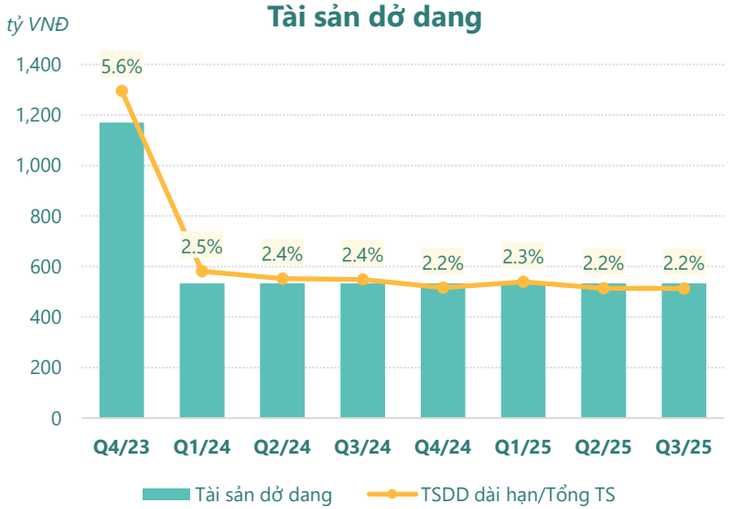
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



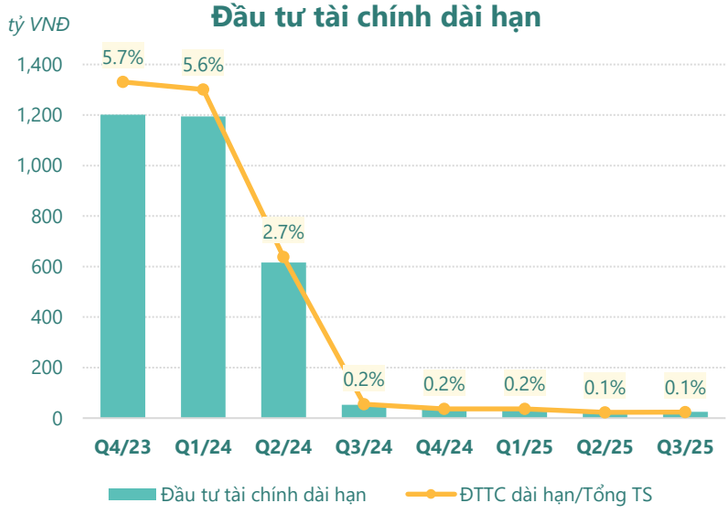
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



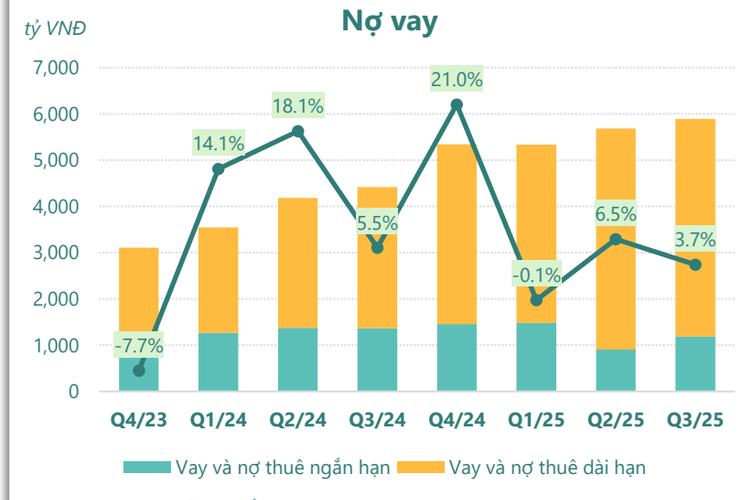
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

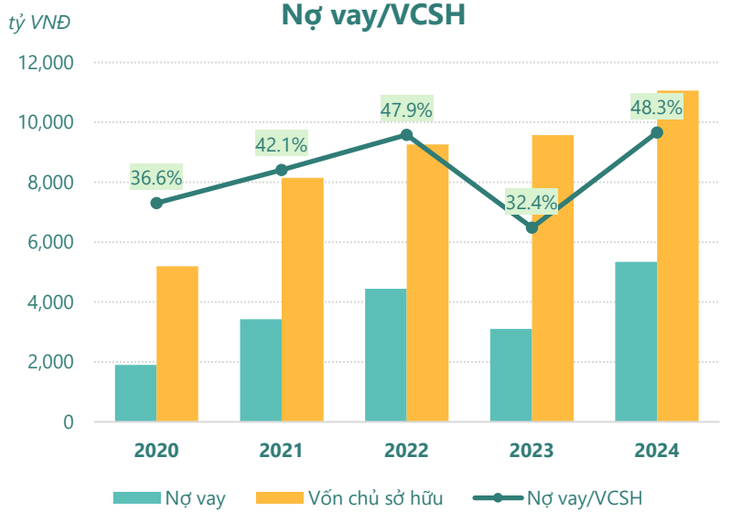
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

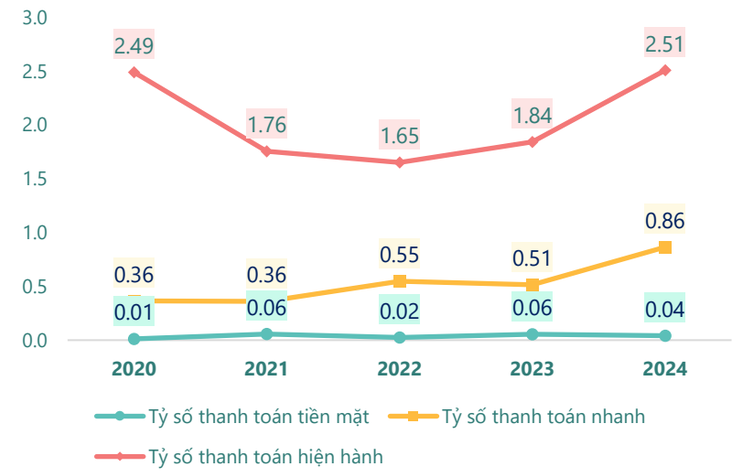
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



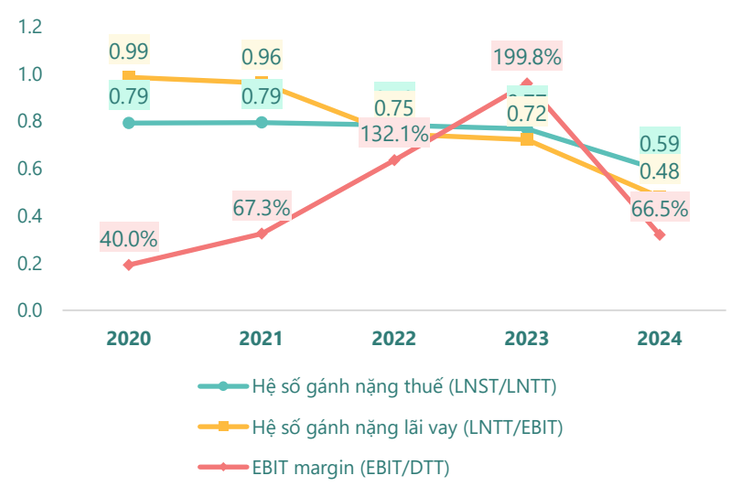
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



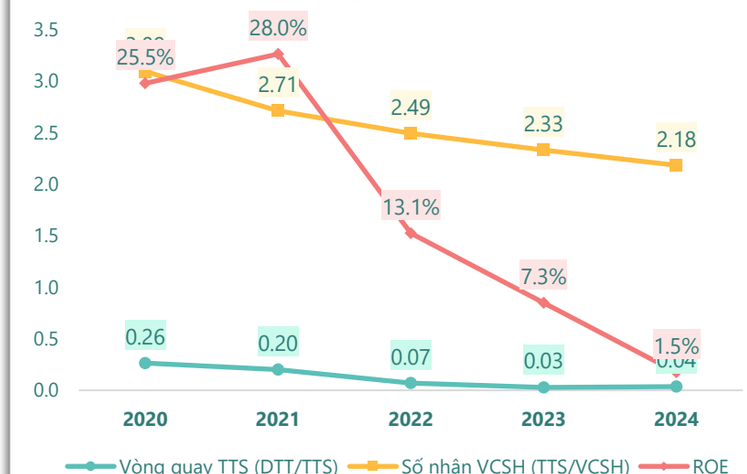
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



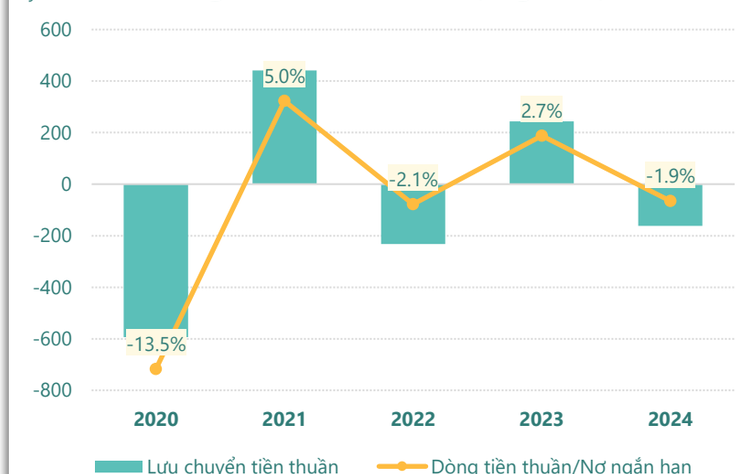
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**507**	**2.63**	**19160%**	**964**	**173**	**457%**
Giá vốn hàng bán	256	1.28	19929%	534	8.79	5978%
Lợi nhuận gộp	250	1.34	18569%	430	164	162%
Doanh thu HĐTC	1.76	194	-99.1%	230	398	-42.3%
Chi phí TC	74.3	74.5	-0.3%	205	213	-3.6%
Chi phí lãi vay	74.2	74.4	-0.2%	203	213	-4.6%
LN trong công ty LKLD	**-0.01**	**-17.2**	**99.9%**	**-13.0**	**-34.0**	**61.8%**
Chi phí bán hàng	7.31	4.33	68.8%	15.2	10.2	49.0%
Chi phí QLDN	**46.7**	**44.0**	**6.1%**	**125**	**131**	**-4.3%**
LN thuần từ HĐKD	124	55.3	124%	301	174	73.2%
Lợi nhuận khác	**-6.35**	**23.4**	**-127%**	**-18.4**	**68.5**	**-127%**
LN trước thuế	117	78.7	49.0%	282	242	16.6%
Lợi nhuận sau thuế	**85.8**	**51.2**	**67.7%**	**201**	**154**	**31.1%**
LNST của CĐ cty mẹ	**85.8**	**51.2**	**67.6%**	**201**	**154**	**31.1%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-808	-1,189	-1,680	-438	-1,483	-132
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-3.55	-11.0	909	185	427	57.8
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	1,983	231	894	-6.37	997	165
Tiền đầu kỳ	19.3	1,190	221	344	84.0	25.2
Lưu chuyển tiền thuần	**1,171**	**-969**	**123**	**-260**	**-58.8**	**90.8**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	1,190	221	344	84.0	25.2	116

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**24,246**	**23,986**	**1.1%**
Tài sản ngắn hạn	21,282	21,483	-0.9%
Tiền và tương đương tiền	116	344	-66.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	115	-100%
Phải thu ngắn hạn	6,099	6,861	-11.1%
Hàng tồn kho	14,977	14,078	6.4%
Tài sản ngắn hạn khác	88.9	85.2	4.4%
Tài sản dài hạn	**2,964**	**2,503**	**18.4%**
Phải thu dài hạn	621	38.7	1503%
Tài sản cố định	736	744	-1.1%
Bất động sản đầu tư	62.1	63.2	-1.8%
Tài sản dở dang	533	533	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	24.4	38.0	-35.8%
Tài sản dài hạn khác	**987**	**1,085**	**-9.0%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	12,305	12,927	-4.8%
Nợ ngắn hạn	**7,602**	**8,562**	**-11.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,189	1,383	-14.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	121	348	-65.3%
Nợ dài hạn	4,703	4,365	7.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	4,703	3,961	18.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**11,941**	**11,059**	**8.0%**
Vốn chủ sở hữu	**11,941**	**11,059**	**8.0%**
Vốn điều lệ	9,798	8,731	12.2%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)